

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND xã của UBND xã Tân Hòa

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND xã Tân Hòa về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND xã năm 2023 xã Tân Hòa;

Căn cứ vào biên bản niêm yết ngày 23 tháng 12 năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa thông báo công khai số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND xã năm 2023 xã Tân Hòa;

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Tân Hòa và công khai trên trang thông tin điện tử xã Tân Hòa.

Thời gian công khai trong vòng 30 ngày.

Vậy UBND xã Tân Hòa thông báo để Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, các ban ngành đoàn thể tổ chức chính trị xã hội, các bộ phận chuyên môn được biết./

Nơi nhận :

- Thường trực Đảng;
- Thường trực HĐND;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu VP./

CHỦ TỊCH UBND XÃ TÂN HÒA



*Hoàng Văn Hòa*  
Hoàng Văn Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HÒA

Số: 368/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Hòa, ngày 23 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã năm 2023 trình HĐND xã của UBND xã Tân Hòa

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa về việc đề nghị phê chuẩn phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2023 xã Tân Hòa;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND xã năm 2023 của xã Tân Hòa.

(Có phụ biểu kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- UB MTTQ xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HÒA

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)



NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>5.735.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.735.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	108.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	60.000.000	II. Chi thường xuyên	5.629.000.000
III. Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-	III. Dự phòng	106.000.000
IV. Thu bổ sung	5.567.000.000		
- Bổ sung cân đối	5.567.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	-		
V. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HÒA

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 104/CK TC-NSNN



STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>7.493.112.680</b>	<b>7.312.936.887</b>	<b>5.765.000.000</b>	<b>5.735.000.000</b>	<b>76,94</b>	<b>78,42</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>105.958.000</b>	<b>105.958.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>94,38</b>	<b>94,38</b>
	Phí, lệ phí	53.458.000	53.458.000	55.000.000	55.000.000	102,88	102,88
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-	-	-	-
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-	-	-	-	-
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-	-	-	-	-
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	-	-	-	-	-
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	-	-	-	-
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	-	-	-	-	-
	Thu khác	52.500.000	52.500.000	45.000.000	45.000.000	85,71	85,71
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>289.732.000</b>	<b>84.033.000</b>	<b>98.000.000</b>	<b>68.000.000</b>	<b>33,82</b>	<b>80,92</b>
1	Các khoản thu phân chia	63.590.000	38.005.000	8.000.000	8.000.000	12,58	21,05
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.620.000	2.620.000	1.000.000	1.000.000	38,17	38,17

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-		-	-		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.800.000	9.800.000	7.000.000	7.000.000	71,43	71,43
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	51.170.000	25.585.000	-	-		
	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	<b>226.142.000</b>	<b>46.028.000</b>	<b>90.000.000</b>	<b>60.000.000</b>		
2	- Thuế thu nhập cá nhân (Hộ kinh doanh)	16.055.000		30.000.000			
	- Thuế thu nhập cá nhân (chuyển nhượng BDS)	164.059.000		-			
	- Thuế GTGT- TNDN từ cá nhân, SXKD	46.028.000	46.028.000	60.000.000	60.000.000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn			-	-		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		25.523.207	-	-		
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-	-				
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	<b>7.097.422.680</b>	<b>7.097.422.680</b>	<b>5.567.000.000</b>	<b>5.567.000.000</b>	78,44	78,44
	- Thu bổ sung cân đối	5.211.000.000	5.211.000.000	5.567.000.000	5.567.000.000	106,83	106,83
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.886.422.680	1.886.422.680	-	-		



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HÒA

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 105/CK TC-NSNN

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2023			SỐ SẴN (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	7.336.906.360	591.075.000	6.745.831.360	5.735.000.000	-	5.735.000.000	78,17	-	85,02
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-			
3	Chi y tế	75.096.000		75.096.000	75.096.000		75.096.000			100,00
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	22.500.000		22.500.000			71,43
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-	-		-			
6	Chi thể dục thể thao	30.500.000		30.500.000	31.500.000		31.500.000			103,28
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	-		-			
8	Chi các hoạt động kinh tế		591.075.000		-		-			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, DQTV, ANTT	6.392.535.360		6.392.535.360	5.386.311.600		5.386.311.600	84,26		84,26
10	Chi cho công tác xã hội	110.200.000		110.200.000	113.592.400		113.592.400	103		103
11	Chi khác			-	-		-			
12	Dự phòng ngân sách	106.000.000		106.000.000	106.000.000		106.000.000	100		100





ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HÒA

Biểu số 107/CK TC-NSNN

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng



NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
TỔNG SỐ	không phát sinh					
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Đoàn phí						
Hội phí hội LHPN						
Hội phí người cao tuổi						
Hội phí hội Khuyến học						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Rác dân phố						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi